

MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRONG QUAN HỆ GIỮA CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á LỤC ĐỊA VỚI TRUNG HOA (THỜI MINH)

TH S. NGUYỄN THỊ KIỀU TRANG –
VŨ ĐỨC LIÊM

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Quan hệ giữa Đông Nam Á với Trung Hoa đã trải qua hàng nghìn năm lịch sử. Người Hán với tham vọng đế chế luôn tìm cách phủ bóng quyền lực lên khu vực này, còn cư dân Đông Nam Á đã học được cách thích nghi và chung sống hòa bình với cái gọi là “trật tự Trung Hoa”. Bài viết này sẽ đề cập đến một chương sôi động của mối quan hệ đó thông qua góc nhìn có tính chất khái quát về một số vấn đề trong quan hệ giữa các nước Đông Nam Á lục địa với Trung Hoa thời Minh, bao gồm: quan hệ ngoại giao, triều cống, thương mại và vấn đề Hoa kiều.

1. Bối cảnh mới trong quan hệ giữa các nước Đông Nam Á lục địa với Trung Hoa thời Minh

Sự thiết lập của nhà Minh gắn liền với giai đoạn phát triển cường thịnh của Trung Hoa thế kỷ XV- XVI. Kế tục các

triều đại trước, khát vọng mở rộng lãnh thổ là mục tiêu xuyên suốt trong chính sách đối ngoại của triều Minh. Các hoàng đế triều Minh đã tích cực thi hành chính sách với đường lối “cận công viễn giao”, “dĩ Di trị Di”, kết hợp chặt chẽ chiến tranh xâm lược với ngoại giao nhằm buộc các nước phải thần phục, triều cống “thiên triều” và thỏa mãn tham vọng mở rộng lãnh thổ, tăng cường ảnh hưởng. Về thương mại, thị trường Trung Hoa được mở rộng, từ năm 1400 đến năm 1600, dân số nước này tăng 75.000.000 lên 150.000.000⁽¹⁾ kéo theo nhu cầu lớn về trao đổi hàng hóa mà trước tiên là lương thực, vũ khí và kim loại. Giữa lúc người Mông Cổ vẫn kiểm soát kênh thương mại với phía Bắc và Tây Trung Hoa thì hướng xuống phương Nam là một giải pháp khôn ngoan và sống còn của nhà Minh.

Đông Nam Á thế kỷ XIV-XVII là thời kỳ của những chuyển biến lớn và có tác động sâu sắc về chính trị, kinh tế, thương mại, văn hóa, tôn giáo, tộc người trong bối cảnh buổi đầu tiếp xúc với phương Tây mà các học giả gọi đó là thời kỳ tiền hiện đại của lịch sử khu vực.⁽²⁾ Sự hình thành và phát triển của các nhà nước tập quyền hùng mạnh như Đại Việt, Ayutthaya, Lan Xang, Toungoo cùng với sự gia tăng quy mô dân số, kinh tế tạo nên môi trường mới thúc đẩy giao lưu giữa Đông Nam Á lục địa với bên ngoài. Áp lực dân số thúc đẩy sản xuất lương thực thâm canh và quá trình khai phá các vùng đất mới, biến khu vực thành vùng sản xuất lúa gạo lớn. Quy mô sản xuất lúa gạo ở Myanmar là một ví dụ. Thời Pagan, có khoảng 570.000 acres đất đai được tưới tiêu, đến năm 1500, con số này lên 900.000-1.000.000 acres. A. Reid gọi đây là giai đoạn “bùng nổ kinh tế” ở Đông Nam Á.⁽³⁾ Về mặt dân

cư, Đông Nam Á lục địa giai đoạn này đánh dấu sự xuất hiện của các cộng đồng dân cư quy mô khá lớn từ 50.000 đến vài trăm nghìn người. Nhu cầu của các thị trường nội địa mới thúc đẩy hệ thống trao đổi dọc theo các dòng sông và giữa những vùng châu thổ với nhau: châu thổ sông Hồng, vùng Thuận Quảng, lưu vực sông Chao Phraya, Lana, Lan Xang, khu vực Mandalay, các đồng bằng ngập lụt của Irrawaddy, Salween và Mekong. Từ thế kỷ XV, vùng nông nghiệp được tổ chức tốt của Siam đã xuất khẩu gạo. Ghi chép khoảng năm 1500 cho biết mỗi năm Siam đưa 30 thuyền gạo đến Malacca, mỗi thuyền khoảng 400-500 metric tấn, tương đương số gạo xuất khẩu hàng năm là 10.000 tấn. Trong khi Pegu xuất 40 thuyền (14.000 tấn năm), Campuchia xuất khẩu 7.000 tấn năm (cuối thế kỷ XVI), Songkhla, Nakhon Sithammarat xuất khẩu 800 tấn (năm 1620),⁽⁴⁾ vùng Hạ Miến xuất cảng 7.500 tấn (1510).⁽⁵⁾

DÂN SỐ CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á LỤC ĐỊA NĂM 1600 (ĐƠN VỊ 1000 NGƯỜI)⁽⁶⁾

	Dân số năm 1800	Dân số năm 1600	Người/km ² năm 1600
Myanmar	4.600	3.100	4.6
Lan Xang (cả Đông Bắc Thái Lan)	1.200	1.200	2.9
Siam (trừ Đông Bắc)	2.800	1.800	5.3
Campuchia – Champa	1.500	1.230	4.5
Vietnam (miền Bắc và miền Trung)	7.000	4.700	18.0
Malaysia (gồm Patani)	500	500	3.4
Đông Nam Á	33.000	23.000	5.7

Nếu tính toán của A. Reid là đúng, thì thế kỷ XV-XVII, dân số Đông Nam Á khoảng 20-30 triệu, song các cộng đồng lớn chủ yếu tập trung trong khoảng hơn mười trung tâm thương mại và vùng sản xuất nông nghiệp dọc châu thổ sông và cảng thương mại. Vùng châu thổ sông Hồng là ví dụ, năm 1200, có khoảng 1.200.000 người đến năm 1340 là 2.400.000 người theo Li Tana, bình quân khoảng 150-180 người hoặc từ một đến hai làng trên một km².⁽⁷⁾ Do mở rộng sản xuất và nhu cầu thị trường, tính chất nền thương mại khu vực đã có sự thay đổi so với giai đoạn từ thế kỷ IX đến thế kỷ XIV, khi dân số còn ít và hàng hóa chủ yếu là vật phẩm xa xỉ. Ở giai đoạn này, nhu cầu trao đổi lớn hơn và sản phẩm được bình dân hóa. Lúa gạo, gốm sứ, tơ lụa trở thành mặt hàng xuất khẩu quan trọng của Đông Nam Á lục địa. Lượng lưu thông tiền mặt trao đổi tăng nhanh làm xuất hiện nhu cầu cần có bạc và đồng. Quan hệ xung đột thường xuyên giữa các trung tâm chính trị lớn tại Đông Nam Á lục địa biến kim loại (đồng, sắt, bạc, thủy ngân), lưu huỳnh và sản phẩm dùng chế tạo vũ khí khác thành những hàng hóa có nhu cầu lớn, bên cạnh các mặt hàng truyền thống vốn nổi tiếng của khu vực như da thú, trầm hương, vàng, hồ tiêu, tơ sồng... Sự xuất hiện của người phương Tây kết nối Đông Nam Á với hệ thống thương mại toàn cầu thế kỷ XVI và khiến Biển Đông thành khu trở thành khu vực thương mại tập nập. Điều kiện thuận lợi đó đưa

khu vực bước vào giai đoạn “Kỷ nguyên thương mại Đông Nam Á 1450-1680” khi quy mô hệ thống thương mại khu vực lớn hơn và được tổ chức chặt chẽ hơn. Phần lớn các cộng đồng cư dân Đông Nam Á đều được thu hút vào hoạt động trao đổi thương mại trên biển và lục địa và trở thành một bộ phận của nền thương mại Á Châu.⁽⁸⁾

2. Quan hệ ngoại giao giữa các nước Đông Nam Á lục địa với nhà Minh

Thực hiện chính sách “viễn giao cận công”, vua Minh phái nhiều sứ giả đến các quốc gia Nam Dương để tìm kiếm sự thần phục và triều cống. Từ năm 1400-1510, các phái đoàn cống phẩm của Đông Nam Á đã liên tiếp tới Trung Quốc: Java có 52 phái đoàn; Pasai: 22; Siam: 48; Champa: 60; Malacca: 31; Philippine: 9; Brunei: 9. Từ Malacca, sứ đoàn đưa tới Trung Quốc đồ mã và sản vật địa phương như: ngọc trai; đồi mồi, san hô, vượn đen, ngà voi, gà lửa, chim vẹt, phiến não, tê giác, nước tường vi... từ Campuchia là voi, trầm hương, từ Đại Việt là đồ vàng bạc... Đổi lại, triều Minh ban cho các đoàn triều cống những tặng phẩm giá trị nhằm khuyến khích việc họ đã thành tâm từ xa đến Trung Quốc như: tơ lụa, kim loại và đá quý, đồ vàng bạc, đai ngọc, nghi trượng, ngựa và tiền đồng. Theo thống kê, vào thời Vĩnh Lạc có 43 nước phái sứ đến Trung Quốc. Trong đó, có những sứ đoàn lên tới 1200 người. Sự xuất hiện của các sứ đoàn chủ yếu là thành công của nhà Minh, tuy

nhân, đổi lại, triều đình cũng đã dành những chi phí lớn để đón tiếp và tặng quà cho các sứ đoàn. Theo ghi chép, đầu đời nhà Minh, phủ khố chất đầy ắp vàng bạc, trong thời kỳ Trịnh Hoà đi Tây Dương trong phủ khố cũng đến bảy triệu lạng bạc trắng, nhưng mười năm sau thì chỉ còn lại có hơn một triệu. Khó khăn về tài chính là một trong những nguyên nhân khiến nhà Minh dừng các cuộc hành trình hàng hải của mình. Mặc dù vậy, con số 67 quốc gia thiết lập quan hệ với nhà Minh thực sự là thành công ấn tượng, đánh dấu giai đoạn Trung Hoa có quan hệ ngoại giao rộng rãi hơn bất cứ thời kỳ nào trước đó. Không đơn thuần là thiết lập quan hệ, Trịnh Hoà còn tham gia can thiệp trực tiếp vào tình hình chính trị ở các khu vực đi qua, đàn áp những dân tộc không quy phục và lập lại trật tự của “thiên triều”. Năm 1405, Trịnh Hoà đã đánh bại một người Hoa là Zhen Zuyi, khôi phục lại vương quyền cho người đứng đầu Palembang. Để bảo vệ vương quốc thương mại Malacca trước các cuộc xâm lăng của Ayutthaya theo lời thỉnh cầu của Paramasvara, ông còn phái một sứ giả đến cảnh báo Ayutthaya không được xâm phạm vào vương quốc chư hầu này.⁽⁹⁾

Cùng với cuộc hành trình của Trịnh Hoà, chính sách đối ngoại của nhà Minh với Đông Nam Á lục địa buộc phải căng ra trên một khu vực rộng lớn để đối phó với những biến động phức tạp từ Đại Việt, Vân Nam, Myanmar, các vương quốc của người Thái và mối quan hệ

phức tạp giữa các dân tộc này. Không giống như cuộc xâm lược quy mô vào Đại Việt, chính sách của nhà Minh đối với Vân Nam, Myanmar và các vương quốc của người Thái là cố gắng duy trì sự kiểm soát thông qua hệ thống triều cống được quy định chặt chẽ và cắt cử các quan lại giám sát (với tính chất lệ thuộc khác nhau). Từ khi lên cầm quyền, nhà Minh đã chú ý đến khu vực Tây Nam. Vùng Vân Nam sau một loạt chiến dịch quân sự trở thành một phần của đế quốc Đại Minh. Trong khi ngay từ năm 1371, một phái đoàn đã được phái đến Myanmar. Lúc đó, Vân Nam đang trong tay người Mông Cổ nên sứ thần vòng qua Đại Việt. Cuộc tấn công của người Chăm vào Thăng Long làm sứ đoàn phải ở lại đây hơn 2 năm, 3 trong số bốn thành viên sứ thần bị thiệt mạng, tới năm 1373, số người còn lại mới quay về được Trung Hoa.⁽¹⁰⁾ Sau khi đánh chiếm Vân Nam (1382), mở đường can thiệp vào các tộc người và quốc gia ở Đông Bắc của Đông Nam Á lục địa các vùng lãnh thổ của người Shan (thuộc Myanmar), Lan Xang, người Thái ở Đông Bắc Thái Lan... đã nhanh chóng nằm dưới sự kiểm soát của Trung Hoa. Chính sách chia để trị được áp dụng cho khu vực đa sắc tộc này cùng với việc sử dụng chế độ thổ quan “t’u-ssu” với những mức độ khác nhau. Nhà Minh đã không công nhận Myanmar như một vương quốc, can thiệp vào cuộc đấu tranh của các vương quốc của người Thái và đặc biệt là cố tình duy trì sự phân tán của

Myanmar, giữa người Miến ở Pagan với các vương quốc người Shan ở Ava. Đến lượt các vương quốc người Maw Shan ở Lu-ch'uan (P'ing-mien) cũng bị phân tán khi cùng lúc nhà Minh công nhận ba quan chức đại diện của họ bao gồm hai ở Cheli (Sipsong Banna, Vân Nam, Myanmar, Lào và khu vực quanh Lào), một ở Chiangmai (Pa-pai).⁽¹¹⁾ Thông qua chính sách đó, Minh Thành Tổ vừa nắm giữ, củng cố và mở rộng quyền lực của mình ở Vân Nam, vừa thiết lập một vành đai các vương quốc triều cống được coi là các vùng đất được bình định, có trách nhiệm duy trì hòa bình dọc theo các đường biên giới của Trung Hoa. Các vùng đất này bao gồm vương quốc của người Thái ở Lun-ch'uan (P'ing-mien) và Cheli (Sipsong Banna), vương quốc Lan Xang của người Lào, vương quốc Lan Na ở miền Bắc Thái Lan và vương quốc Ava ở Myanmar, thủ lĩnh của tất cả các vùng đất này đều được tấn phong từ Trung Hoa. Tất cả mối quan hệ giữa những vùng đất nói trên với Trung Hoa đều thông qua Vân Nam. Tuy nhiên, các vương quốc dân tộc này không dễ dàng chịu lệ thuộc. Cuộc nổi dậy và thắng lợi của người Việt đã thúc đẩy người Shan và người Thái. Họ đã giành được quyền tự trị tại khu vực Nam Côn Minh và Đại Lý, trong khi ngay từ cuối thế kỷ XIV, quốc gia Lu-ch'uan của người Shan đã tìm cách thống nhất và khôi phục nền tự chủ.⁽¹²⁾

Đối với quan hệ giữa các nước Đông Nam Á lục địa, đặc biệt là giữa người

Việt, Thái, Chăm và Khmer, nhà Minh tỏ ra khá lúng túng. Một phần vì sự lớn mạnh của người Việt và người Thái, đặc biệt là sau thất bại năm 1428. Trong thế kỷ XV-XVI, người Thái vừa giằng co với Myanmar, vừa tiếp tục dồn đuổi người Khmer. Bản thân người Khmer bị tấn công từ hai phía, Ayutthaya từ phía Tây và Chăm từ phía Đông. Đến lượt người. Ở một khía cạnh nào đó, có vẻ như người Khmer đã thành công khi kêu gọi Trung Hoa kim chế người Chăm, tuy nhiên, nhà Minh đã thất bại trong nỗ lực can thiệp để cứu vãn vương quốc suy yếu của người Chăm. Như thế, sau chiến thắng của mình, người Việt tuy vẫn nộp tượng vàng và triều cống hàng năm, song có vẻ như sự chi phối của Bắc Kinh đối với Thăng Long đã suy giảm đáng kể.⁽¹³⁾

Theo A. Reid, bình quân một năm có 4 sứ đoàn của các nước Đông Nam Á được phái đến Trung Hoa. Nhiều nhất là Champa và Java, trong 50 năm, đã có 193 sứ đoàn đến "thiên triều" (xem Bảng thống kê).⁽¹⁴⁾ Thực tế, các sứ đoàn đó mang nặng ý nghĩa biểu tượng về chính trị nhưng điều quan trọng là nhờ đó mà kết nối được với thị trường Trung Hoa. Có rất ít các quốc vương hay nhà vua dẫn đầu phái đoàn sang Trung Hoa, nếu có chỉ là những nước nhỏ cần sự che chở thực sự. Người ta không hề thấy vua của Champa, Campuchia, Ayutthaya hay bất cứ vị vua Lê nào (giai đoạn này) đến yết kiến tại Bắc Kinh. Điều này cho thấy bản chất thực sự của quan hệ triều cống.

CÁC SỨ ĐOÀN ĐẾN TRUNG HOA 1400 – 1510

Từ	Java	Pasai	Siam	Champa	Campuchia	Pahang	Melaka	Brunei	Philipin
1400-1409	8	3	11	5	4		3	3	2
1410-1419	6	7	16	9	3	3	8	4	2
1420-1429	16	5	10	9			5	2	5
1430-1439	5	3	4	10			3		
1440-1449	7		4	9			2		
1450-1459	3		3	3			3		
1460-1469	3	1	2	4			2		
1470-1479			1	3			1		
1480-1489		3	4	3					
1490-1499	2		3	3					
1500-1509			1	2			2		

(Anthony Reid. Southeast Asia in the Age of commerce. Vol 1. pp. 13)

Champa, Malacca – hai “đế chế” thương mại khu vực là những chư hầu có phái đoàn đều đặn nhất, được ân sủng đặc biệt. Trong đó điển hình là Champa, một nước chư hầu trung thành và được sủng ái, quốc gia thu được nhiều lợi nhuận thương mại từ triều cống. Vương quốc cử sáu mươi sứ đoàn được phái tới triều Minh (1400-1510), dâng lên 31 loại hàng hóa khác nhau.⁽¹⁵⁾ Trong khi từ 1428-1527, Đại Việt cử 64 phái đoàn triều cống (cộng thêm các phái đoàn đi kèm). Các sản phẩm cống nạp thường xuyên của Đại Việt là đồ vàng và bạc (34 lần), ngựa 4 lần; ngà voi và sừng tê 4

lần, trầm hương 3 lần. Tuy nhiên, tổng giá trị hàng triệu cống không được đề cập (trong khi giá trị cống phẩm thời Lý-Trần vào khoảng 20 - 30.000 xâu tiền). Người ta cũng được biết rằng sứ thần thường mang theo các hàng hóa thương mại khác để thực hiện buôn bán. Phái đoàn năm 1433-1434 là ví dụ, đã bị nhà vua Lê Nhân Tông khiển trách vì dám mang theo hàng hóa riêng trong chuyến đi sứ.⁽¹⁶⁾ Trong khi đó, nhà Minh cũng chủ động phái đi số lượng sứ đoàn đông đảo, chưa kể cuộc hành trình của Trịnh Hòa. Số lượng các sứ đoàn được cử đi giai đoạn 1402-1424 phản ánh rõ điều này :

1402 – 1424	Champa	Campuchia	Siam	Java	Brunei	Malacca	Samudra
Sứ đoàn từ T.Q	14	3	11	9	3	11	11
Sứ đoàn đến T.Q	18	7	21	17	9	12	11

(Wang Gungwu. Community and Nation : Essays on Southeast Asia...pp. 52)

Ayutthaya cho ta một hình ảnh khác của Đông Nam Á lục địa trong mối quan hệ với Trung Hoa. Với tư cách là đế quốc khu vực, vương quốc này đương nhiên không cần bất cứ sự bảo hộ nào, thậm chí đã xâm lược hàng loạt các nước khác. Nhưng Trung Hoa là đối tác thương mại quan trọng bậc nhất của Siam, lại đang kiểm soát các vương quốc của người Thái khác tiếp giáp với Vân Nam. Và do đó, tốt hơn là không nên làm cho “thiên triều” mất lòng. Không chỉ là chư hầu

mà Ayutthaya còn cho thấy mình đủ sức mạnh để làm một nước đồng minh khi cần thiết. Năm 1592, khi Nhật đang tấn công Triều Tiên và nước này kêu gọi sự giúp đỡ của nhà Minh, Ayutthaya xin vua Minh cho quân đánh thẳng đến Nhật để kiểm chế hậu phương của chúng. Và mặc dù yêu cầu đó không được chấp nhận nhưng Ayutthaya “từ đó, cung phụng không dứt”.⁽¹⁷⁾ Ayutthaya là một trong số các nước tích cực triều cống. Bảng kê dưới đây phản ánh điều này.⁽¹⁸⁾

CÁC SỨ ĐOÀN TRIỀU CỐNG TỪ AYUTTHAYA ĐẾN TRUNG HOA GIAI ĐOẠN 1368 – 1619

Giai đoạn	Số năm	Số lượng các sứ đoàn	Bình quân theo thập kỷ
1368 – 1404	37	14	3.8
1405 – 1433	29	8	2.8
1434 – 1499	66	12	1.8
1500 – 1579	80	9	1.1
1580 – 1616	40	3	0.8
Tổngng số	225	46	2.0

Tuy nhiên, như đã thấy, vai trò của nhà Minh với các vấn đề chính trị ở Đông Nam Á lục địa nhanh chóng bị suy giảm đặc biệt là từ sau thế kỷ XV, khi mà bản thân nhà Minh cũng đối mặt với nhiều vấn đề (Người Mông Cổ, chiến tranh Triều Tiên, người Nữ Chân...) còn Đông Nam Á lục địa ngày càng phát triển và lớn mạnh. Trong khi sự tham gia của người châu Âu cũng làm thay đổi đáng kể quan hệ chính trị khu vực, nơi mà người Hoa vốn coi là khu vực chịu ảnh hưởng duy nhất bởi nền văn minh rực rỡ và sức mạnh của mình.

3. Quan hệ thương mại

Vào thế kỷ XIV – XV, Trung Hoa vẫn là thị trường lớn nhất đối với Đông Nam Á. Nhu cầu hàng hóa tăng nhanh vào đầu nhà Minh cùng với quan hệ thương mại – triều cống mới được thiết lập sau các cuộc hành trình của Trịnh Hòa thúc đẩy Đông Nam Á tiến hành buôn bán, trao đổi với Trung Hoa với quy mô tăng nhanh. Tiền đồng Trung Hoa được nhập khẩu với số lớn và là phương tiện trao đổi chính ở Java, Malaya, Malacca trong khi hồ tiêu (từ Ấn Độ và Java) là mặt hàng xuất khẩu quan trọng từ Đông

Nam Á tới Quảng Châu. Ngoài hồ tiêu, gỗ vang của Siam cũng được người Hoa nhập với số lượng lớn.⁽¹⁹⁾

Vân Nam vốn là trung tâm của tuyến đường thương mại truyền thống nối Trung Hoa với phía Tây qua Thượng Miến tới Ấn Độ bằng đường bộ hay vịnh Bengal. Giai đoạn này Myanmar gặp nhiều bất ổn chính trị, nhưng thành tựu kinh tế đáng kinh ngạc của họ giúp duy trì vị trí trong quan hệ thương mại với nhà Minh. Người Myanmar sản xuất lúa gạo và gỗ đưa tới Trung Hoa. Từ năm 1400, Myanmar xuất khẩu bông thô vào vùng Vân Nam, đến năm 1600, con số này là 1.100 tấn một năm, ngoài ra còn có gia vị, muối, đá quý. Các hàng hóa này được chở bằng thuyền, đi ngược sông Irrawaddy hoặc bằng đường bộ sử dụng bò và ngựa. Một báo cáo khoảng năm 1580 cho biết có khoảng 200 thương nhân và 30 chiếc tàu ngược sông để đến biên giới Trung Hoa. Khi trở về, họ mang theo sắt, bình đồng, vũ khí, trà, lụa và bạc từ các mỏ của Vân Nam.⁽²⁰⁾

Ayutthaya và Champa là những đối tác thương mại quan trọng của Trung Hoa. Ayutthaya được thành lập năm 1350 và nhanh chóng phát triển nhờ vùng nông nghiệp trù phú dọc hạ lưu sông Chao Phraya. Thế kỷ XVI – XVII, phần lớn vùng trung tâm của Siam vẫn là rừng, nơi cung cấp nguồn da hươu lớn hàng năm lên đến 150.000 con.⁽²¹⁾ Hươu, lúa gạo, gỗ vang, thiếc, hồ tiêu... cùng hàng hóa Ấn Độ (bông, vải) qua vịnh Bengal thúc đẩy thương mại của Ayutthaya. Tomé Pires mô tả trong *Suma Oriental*: “Trong thời bình, Siam buôn bán với người Hoa khoảng 6 hay 7

thuyền mỗi năm. Họ buôn bán với Sunda, Palembang và các hòn đảo khác. Họ buôn bán với Campuchia, Champa và Đàng Trong, với Myanmar và Chiangmai trên lục địa”.⁽²²⁾

Những mô tả của Ma Huan vào thời đó có đề cập đến các đội tàu buôn Trung Hoa tới Siam để buôn bán và vào năm 1511, từ Malacca, Albuquerque khi muốn phái sứ giả đến triều đình Ayutthaya đã đi trên những con thuyền thương mại của thương nhân Trung Hoa, trong khi, ghi chép của một người Bồ Đào Nha khác là De Campos nói rằng “các thương nhân người Hoa có mặt ở khắp mọi nơi trên đất Thái”. Ghi chép của người Hà Lan dưới thời vua Ekthotsarot (1605 - 1620) thì cho biết số lượng người Hoa ở Patani đã vượt quá số lượng người bản địa.⁽²³⁾ Đồng, thuốc súng và lúa gạo là những sản phẩm quan trọng trong giao dịch giữa Đông Nam Á lục địa với Trung Hoa giai đoạn này. Trao đổi đồng giữa Đại Việt với nhà Minh gia tăng nhanh về số lượng và dưới nhiều hình thức khác nhau, bao gồm cả hoạt động buôn lậu tại các khu mỏ dọc biên giới. Sau cuộc chiến năm 1428, nhu cầu đồng tăng mạnh ở cả Đại Việt và Trung Hoa. Theo Sun Lai Chen, vào cuối thế kỷ XV, có tới 19 mỏ đồng được khai thác dọc theo vùng lãnh thổ miền Nam Trung Hoa, nhiều khu mỏ nằm ở Đông và Đông Nam Vân Nam, giáp biên giới Đại Việt và ở khu vực tranh chấp sau chiến tranh.

Sau năm 1558, vùng đất Đàng Trong của người Việt được định hình, với tầm nhìn hướng biển, chúa Nguyễn đã nhanh chóng đưa lãnh thổ của mình trở thành

một bộ phận quan trọng của hệ thống thương mại Đông Nam Á. Thương mại với Trung Hoa và vai trò của Hoa kiều trở thành nhân tố quan trọng đối với nền thương mại và chính trị Đàng Trong. Hàng hóa của người Hoa được chúa Nguyễn rất mong đợi. Lê Quý Đôn ghi lại trong *Phủ Biên tạp lục*: “Hai xứ Thuận Hóa, Quảng Nam không có mỏ đồng, Nhật Bản thì thổ sản có nhiều đồng đỏ, nên hàng năm tàu nước ấy chở đến ta bán, nhà nước cử người thu mua, cứ 100 cân giá 45 quan tiền đồng. Còn như tàu thuyền các khách buôn ở Phúc Kiến và Quảng Đông thuộc Trung Hoa, có chuyên chở đồng đỏ sang nước ta thì bán phải khai báo đầy đủ giấy tờ, Nhà nước theo giá định trước mà mua, còn thừa, khách mới được mua bán đổi chác với người nước ngoài⁽²⁴⁾.”

Cuộc xung đột kéo dài của người Thái, Miến, Khmer, Việt, Chăm làm gia tăng nhu cầu các vật phẩm quân sự. Thuốc súng là mặt hàng Đông Nam Á lục địa nhập khẩu số lượng lớn giai đoạn này. Nguồn cung cấp thuốc súng chủ yếu là từ Nhật Bản và Phương Tây. Các nước Đông Nam Á không chỉ nhập phục vụ nhu cầu của mình mà còn coi đó là món hàng triều cống đến nhà Minh nhằm thỏa mãn cuộc cách mạng vũ khí ở nước này. *Minh sử* cho thấy Nhật Bản, Ryukyu, Siam, Champa... đã gửi thuốc súng triều cống đến nhà Minh⁽²⁵⁾. Nhiều nước Đông Nam Á lục địa xây dựng các hạm đội lớn và quân đội trang bị vũ khí mới. Hạm đội của Chúa Trịnh có đến 500 thuyền buồm lớn, mỗi cái ít nhất chở được ba khẩu thần công⁽²⁵⁾. Trong khi

cũng như Ayutthaya, người Myanmar thiết lập nên các đạo quân với súng tay và súng thần công. Năm 1605, hoàng gia Myanmar lập đạo quân chiến đấu 1000 người có 10 và 100 súng tay⁽²⁶⁾. Chính người Hoa đã đưa kỹ thuật chế tạo súng đến Siam vào thế kỷ XVI, và cũng chính Hoa thương (cùng với người Nhật và Đông Nam Á khác) đã cung cấp thuốc súng, vũ khí cho cả Siam và Myanmar trong các cuộc chiến tranh quy mô lớn giữa hai nước giai đoạn này.

Cư dân Đông Nam Á lục địa bắt đầu từ thế kỷ XV cũng chủ động tham gia vào các trao đổi thương mại với nhà Minh thông qua việc cử các con thuyền mang theo hàng hóa tới các hải cảng của Trung Hoa cũng như những thương điếm của Hoa kiều ở Đông Nam Á. Trong đó, đáng chú ý nhất là chính quyền Malacca (1400-1511), Đàng Trong, Ayutthaya và Pegu. Vào đầu thế kỷ XVII, nhận thấy sự phát triển của nền thương mại khu vực, chính quyền Ayutthaya muốn kiểm soát trực tiếp hệ thống thương mại trong vương quốc. Vua Pasat Thong, người kế tục Ekathotsarot vào năm 1629 đã tìm cách độc quyền ngoại thương. Người Trung Hoa và nước ngoài đến các cảng Tây Nam Ayutthaya đều phải được cấp phép, còn hàng hóa được tập trung tại các kho hàng lớn của nhà vua ở Ayutthaya trước khi xuất khẩu. Đồng thời nhà vua cùng anh trai hàng năm đều phái các đội thuyền buôn tới Quảng Châu và các hải cảng của Trung Hoa, một số thuyền thậm chí đưa hàng hóa đến Coromandel. Siam đã tận dụng vị thế của nước chư hầu được ưu ái

để tiến hành buôn bán với nhà Minh. Vai trò của thương nhân Hoa được vua Siam coi trọng, nhất là từ khi người Nhật Bản bị trục xuất. Người Siam còn lợi dụng các con thuyền mành Trung Hoa nhằm chuyên chở hàng hóa đến Nhật Bản sau năm 1636, khi nước Nhật đóng cửa và chỉ chấp nhận giao thương với người Hoa.⁽²⁶⁾

Lúa gạo từ Đông Nam Á lục địa là nguồn cung cấp thường xuyên của Trung Hoa. Lê Quý Đôn viết trong *Vân Đài loại ngữ*: “Tỉnh Quảng Đông đất rộng, người đông nhưng có tục thích buôn bán, phần nhiều trồng cỏ cây, thuốc lá, gạo thóc thì ít, quá nửa dân ấy ăn bám ở tỉnh khác hoặc mua gạo ở nước Nam”⁽²⁷⁾. Việc nhập khẩu gạo của các tỉnh miền Nam Trung Hoa còn tiếp diễn sang nhà Thanh, cho đến khi Đảng Ngoài bị tàn phá bởi các cuộc chiến tranh phong kiến. Bình quân, hàng năm Đông Nam Á lục địa xuất khẩu khoảng 40.100 tấn gạo từ 6 trung tâm Siam, Pegu, Campuchia, Songkhla, Nakhon Sithammarat, Hạ Miến. Số gạo này được đưa đến Malacca, quần đảo hương liệu, Philippines để phục vụ cư dân bản địa, Hoa kiều và xuất trực tiếp sang Trung Hoa.

Như vậy, số tàu đến Đông Nam Á lục địa là 24 so với 18 con tàu đến Đông Nam Á hải đảo, chiếm 55%. Điều đó cho thấy vị thế của Đông Nam Á lục địa trong quan hệ với Trung Hoa.

Vấn đề Hoa kiều

Dưới thời Minh, các cuộc di cư của người Hoa diễn ra với quy mô lớn, có tổ chức với nhiều tầng lớp dân cư khác

nhau. Chính sách cấm hải cắt đứt nguồn làm ăn của các thương nhân và nạn cướp biển Wako ở Hoàng Hải đe dọa đến cuộc sống của họ, trong khi Đông Nam Á là một môi trường thương mại rộng mở. Điều kiện sống cũng dễ dàng hơn. Đến cuối thời Minh, sự xâm lược của ngoại tộc Mãn Thanh là nguyên nhân của các cuộc di cư hàng loạt tới Đông Nam Á lục địa. Bước đầu tiên của quá trình này là năm 1380, khi Minh Thái Tổ đưa 25 vạn quân vào Vân Nam. Tới năm 1388, khi bình định xong Vân Nam và Quý Châu, quân Minh xâm lược các vùng đất của người Thái ở Lun-ch’uan, kéo theo đó là cuộc di dân ồ ạt của người Hoa vào vùng đất này, bao gồm các cuộc di cư tự phát và chính sách đồng hóa người bản địa của nhà Minh.⁽²⁸⁾

Trong khi về phía Nam, ghi chép cổ của người Thái cho biết sự xuất hiện khá thường xuyên của thương nhân và Hoa kiều trên vịnh Thái Lan vào cuối thế kỷ XIII. Theo đó, bán đảo Malay là khu vực đầu tiên của Siam thu hút người Hoa tới buôn bán. Hàng năm, có một đội thuyền từ Trung Hoa cập bến, xây dựng nên các khu định cư tạm thời ở các hải cảng.⁽²⁹⁾ Họ tiến hành bán các hàng hóa Trung Hoa và mua các sản phẩm của người Thái. Lợi dụng gió mùa, thương nhân Trung Hoa còn tiến hành buôn bán với các khu vực dọc theo bán đảo Malay như: Chumphon, Suratthani, Nakhonsithammarat... và sau đó trở về vào đợt gió mùa Tây Nam với các hàng hóa từ quần đảo Indonesia, Siam và Ấn Độ. Một số thương nhân người Hoa đã vượt qua eo Malacca, vịnh Bengal để tiến hành

buôn bán trực tiếp với thị trường vùng cửa sông Hằng và Coromandel. Theo những mô tả của nhà du hành Ibn Batutah vào giữa thế kỷ XIV, chỉ có các con thuyền mảnh Trung Hoa làm nhiệm vụ chuyên chở và nối liền miền Nam Ấn Độ với Đông Nam Á, Trung Hoa.

Các cuộc hành trình của Trịnh Hòa với hàng vạn người Hoa đi qua Đông Nam Á và cư trú tạm thời nhiều tháng trời làm cho họ hiểu biết rõ hơn về khu vực, về nền kinh tế, chính trị bản xứ, cuộc sống của Hoa kiều và sự ưu ái của các chính phủ đối với họ. Vì thế, đó có thể là cứu cánh cho họ khỏi những khó khăn kinh tế hay bất ổn chính trị thường thấy ở Trung Hoa.

Trong quá trình định cư tại các nước Đông Nam Á lục địa, quan hệ hôn nhân giữa Hoa Kiều với phụ nữ bản xứ khá phổ biến. Đặc biệt là Hoa kiều ở Campuchia và Siam. Bên cạnh *Chân Lạp phong thổ ký*, còn những ghi chép khác của người đương thời về điều này. Fei Hsin, một trong các tùy tùng của Trịnh Hòa ghé qua Ayutthaya đã ghi lại: *"Bất cứ khi nào gặp đàn ông Trung Hoa, người phụ nữ Siam cũng lấy làm thú vị, chuẩn bị rượu sẵn sàng để tiếp đãi và thể hiện sự tôn trọng đối với họ, vui vẻ ca hát và giữ họ lại qua đêm... Trong khi người chồng không được lo lắng mà tỏ ra hãnh diện vì vợ mình đủ quyến rũ để làm cho người Trung Hoa cảm thấy hài lòng".*⁽³⁰⁾ Xuất phát từ hiện tượng này, trong xã hội Siam đầu thế kỷ XV bắt đầu xuất hiện thế hệ trẻ em có bố là người Hoa, mẹ người Thái (Người Thái gọi là Lukjin). Tình trạng di cư và hôn nhân

của người Hoa đến Siam phổ biến đến mức sang thế kỷ XVI, ở nước này đã xuất hiện những khu phố lớn của người Hoa. Thời điểm này cũng trùng với giai đoạn xuất hiện các khu định cư người Hoa ở Hội An (Quảng Nam), Phú Xuân, Ava, Phnompenh (Thế kỷ XVI - XVII). Trong số các nước Đông Nam Á lục địa, Ayutthaya là nơi Hoa kiều đông đảo và phát triển mạnh ở các thế kỷ XVI - XVII. Như đã nêu trên, chính quyền Ayutthaya có những chính sách đặc biệt đối với Hoa Kiều. Điều này không chỉ phản ánh qua ghi chép của người phương Tây mà còn của chính các học giả Trung Hoa đương thời. "Cư dân bản địa người Siam tiếp đón người Hoa một cách thân mật. Hơn bất cứ cộng đồng cư dân của quốc gia nào, Siam là quốc gia thân thiện với người Hoa".⁽³¹⁾

Vào giữa thế kỷ XVII, khi quân Thanh tràn qua Sơn Hải quan, tiến vào Trung Nguyên, làn sóng di cư ồ ạt mới của người Hoa diễn ra với số lượng lớn chưa từng có tới Đông Nam Á. Làn sóng di cư mới của người Hoa đã gây ra những xáo trộn lớn cho các cộng đồng cư dân Đông Nam Á về kinh tế, chính trị. Theo ước tính, vào thời Minh, số lượng người lưu vong lên đến 6 triệu.⁽³²⁾ Hoa kiều được triều đình phong kiến Đông Nam Á lục địa coi trọng và sử dụng vào nhiều hoạt động khác nhau: thương mại, mở mang bờ cõi, phát triển kinh tế và phục vụ các hoạt động quân sự, chính trị của Nhà nước. Chính sách của các nhà cầm quyền Đông Nam Á lục địa là một trong những nguyên nhân tạo nên sự phát triển của cộng đồng người Hoa.

Phần lớn các chính phủ đều muốn lợi dụng vai trò thương mại của người Hoa và xa hơn nữa là tạo điều kiện để họ xây dựng các khu định cư, sử dụng họ như là các quan chức của bộ máy nhà nước và thuế vụ. Chúa Nguyễn tỏ ra khôn khéo trong việc sử dụng người Hoa phục vụ cho công cuộc phát triển kinh tế và mở rộng vùng đất phương Nam, đặc biệt là việc kiểm soát thương mại, môi giới và làm cầu nối giữa triều đình với thương nhân nước ngoài. Hoa kiều lưu vong được Chúa Nguyễn tạo điều kiện cư trú khiến họ trở thành thân dân của mình. Theo đó, người Hoa được phép xây dựng các phu phố buôn bán và khu định cư lâu dài như ở Hội An, Thanh Hà, Nước Mặn, Đông Phố, Mỹ Tho và các Minh hương. Giáo sĩ Bồ Đào Nha Christoforo Borri, người đến Đàng Trong năm 1621 đã mô tả: “chúa Đàng Trong xưa kia cho người Nhật và người Trung Quốc chọn một địa điểm và nơi thuận lợi để tiến hành buôn bán. Thành phố này gọi là Faifo, thành phố lớn đến độ người ta nói là có hai thành phố, một phố người Trung Quốc và một phố người Nhật. Mỗi phố có khu vực riêng và tập tục riêng. Người Trung Quốc có luật lệ và phong tục riêng của họ, người Nhật cũng vậy”. Theo Taboulet, ở Hội An, “số Hoa kiều có đến 6000 và tất cả đều là những đại thương gia”.⁽³⁴⁾ Cũng như người Siam tỏ ra thân thiện với Hoa Kiều, các chúa Nguyễn ban cho họ nhiều quyền hạn rộng rãi về thương mại, quan thuế. Người Hoa nắm trong tay công việc tàu vụ ở các thương cảng, bao thu mua hàng hóa nội địa cung cấp cho người nước

ngoài, cung cấp hàng hóa nước ngoài và hàng Trung Hoa đến với người Việt và trực tiếp đưa các hàng hóa Đại Việt ra các hải cảng Đông Nam Á khác.

Ở Ayutthaya, vai trò của người Hoa trong nền chính trị rất được coi trọng. Sau cuộc nổi loạn của võ sĩ Nhật Bản (ronin) năm 1620, năm 1632 người Nhật bị tàn sát và trục xuất về nước. Sau sự kiện này, vai trò thương mại và chính trị của người Hoa được củng cố. Người Hoa được vua Ayutthaya sử dụng tham gia vào mạng lưới thương mại độc quyền của triều đình, tới mức một số thương nhân Trung Hoa sau đó đã trở thành các đại diện thương mại của nhà vua Prasat Thong, với quyền tự do trao đổi buôn bán ở Siam. Thương nhân Hà Lan Van Vliet mô tả vào năm 1638 một cách đầy ghen tị rằng: “Ở nước Siam, rất nhiều thương nhân Trung Hoa được hưởng quyền tự do thương mại trên toàn bộ vương quốc”.⁽³⁵⁾

Nhờ các chính sách đó, từ thời Minh, người Hoa ở Đông Nam Á lục địa đã tạo nên những cộng đồng cố kết chặt chẽ với số lượng lớn và có tiềm lực kinh tế, có tiếng nói chính trị. Chính các cộng đồng này sẽ được duy trì, phát triển tới các xã hội Đông Nam Á hiện đại.

Kết luận

Wang Gungwu cho rằng quan hệ giữa Nhà Minh với Đông Nam Á có thể tóm gọn trong vấn đề: chính sách của nhà Minh đối với cuộc chiến tranh giữa người Việt và người Chăm với sự thất thủ của Champa vào năm 1471, mối quan hệ đặc biệt giữa Trung Hoa với Đại Việt, các

hoạt động thương mại và chính trị hàng hải của Trung Hoa và việc Trung Hoa tiến hành cai trị các vùng đất mà ngày nay là Lào, Myanmar và tỉnh Vân Nam thông qua những viên thổ quan.⁽³⁶⁾ Tuy nhiên, chúng tôi muốn đặt mối quan hệ này trong bối cảnh rộng lớn hơn giữa các mối giao lưu khu vực, liên khu vực và thế giới. Bối cảnh mới, những thay đổi lớn và sâu sắc trên nhiều phương diện đã trùm lên mối quan hệ này và thúc đẩy nó vượt ra khỏi khuôn khổ chật hẹp của những liên hệ triều đình với những mối liên hệ toàn diện và có ảnh hưởng sâu rộng. Sự phát triển nhanh chóng của các nước Đông Nam Á lục địa đã làm chuyển dịch vị thế của các đối tác chính trị khu vực trong mối tương quan với nhà Minh, đặc biệt là sau chiến thắng của người Việt và sự hình thành hai trung tâm quyền lực mới ở Đông Nam Á lục địa (Đại Việt, Ayutthaya).

Giới cầm quyền nhà Minh cũng đã ý thức được những thay đổi mới của môi trường chính trị và hàng hải trong khu vực, kết quả là các cuộc hành trình hàng hải lớn, kéo dài trong gần ba thập kỷ (1405-1433), tạo nên mạng lưới các mối quan hệ chính trị, thương mại kết nối chặt chẽ dọc theo lộ trình hàng hải từ Biển Đông đến Ấn Độ dương. Đối với Đông Nam Á lục địa, thế kỷ XV-XVII để lại dấu ấn sâu đậm trong lịch sử phát triển của khu vực, trong đó có những tương tác với Trung Hoa về kinh tế, thương mại, chính trị và dân cư. Làn sóng di cư của Hoa kiều tạo ra nhiều biến động về kinh tế, chính trị, xã hội và là nhân tố có ảnh hưởng lớn đến lịch sử

Đông Nam Á lục địa giai đoạn tiền hiện đại mà hệ quả của nó vẫn còn chi phối các xã hội Đông Nam Á ngày nay.

CHÚ THÍCH:

(1) Victor Lieberman. *Strange Parallels: Volume 1, Integration on the Mainland: Southeast Asia in Global Context, c. 800-1830* (Studies in Comparative World History). Cambridge University press. 2003. pp. 147

(2) Anthony Reid. *Southeast Asia in the Early Modern Era: Trade, Power and Belief*. Cornell University Press, 1993. Anthony Reid. *Sojourners and Settlers: Histories of Southeast Asia and the Chinese*. Hawaii University press. 1996

(3) Dẫn Aung-Thwin và Victor Lieberman. Victor Lieberman. *Strange Parallels*. pp. 141, Nicholas Tarling. *Cambridge History of Southeast Asia*. Vol 2. c. 1500 – 1800. Cambridge University. pp. 117 - 119

(4) Anthony Reid. *Southeast Asia in the age of Commerce...* Vol 2. pp. 21 - 22

(5) Victor Lieberman. *Strange Parallels...* pp. 149

(6) A. Reid. *Southeast Asia in The Age of Commerce*. Vol 1. pp. 13-14, Thống kê của La Louère, dân số Siam năm 1687 vào khoảng 1.900.000 người. *Cambridge History of Southeast Asia...* Vol 2. pp. 119

(7) Victor Lieberman. *Strange Parallels...* pp. 368

(8) Anthony Reid. *Southeast Asia in Early modern era...* pp. 12, Anthony Reid. "Southeast Asia in the Age of Commerce, 1450 – 1680". Vol 1: *The Lands below the Winds*. Vol 2. *Expansion and Crisis*. Yale University Press 1988-1993

(9) Martin Staurt-Fox. *A Short history of China and Southeast Asia*. pp.88

- (10) Denis C. Twitchett, Frederick W. Mote. "The Cambridge History of China: Volume 8, The Ming Dynasty, Part 2, 1368-1644. Cambridge University Press 1998, pp. 313
- (11) Cambridge History of China. Vol 8. pp. 314
- (12) Cambridge History of China. Vol 8. pp. 325
- (13) Momoki Shiro. Đại Việt và thương mại biển Đông thế kỷ X – XV. Trong Đông Á – Đông Nam á Những vấn đề lịch sử và hiện tại. Nxb Thế giới. 2004. tr. 324
- (14) Anthony Reid. Sojourners and Settlers : Histories of Southeast Asia and the Chinese. University of Hawaii press. Honolulu. 1996. pp. 28
- (15) Momoki Shiro. Champa chỉ là một thể chế biển ?. Nghiên cứu Đông Nam Á số 4/1999
- (16) Momoki Shiro. Đại Việt và thương mại biển Đông... tr. 325
- (17) Sự kiện được ghi chép trong Minh sử, Tư liệu Khoa Lịch sử, trường ĐHKHXH & NV. ĐHQG HN. Dẫn Nguyễn Văn Kim. Thuyền mành Đông Nam Á đến Nhật Bản thế kỷ XVII – XVIII. Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử. Số 11, 12/2007
- (18) G. William Skinner. Chinese Society in Thailand. pp. 6, 12
- (19) Cambridge History of Southeast Asia. Vol 2... pp. 120
- (20) Victor Lieberman. Strange Parallels. pp. 145
- (21) John Villiers, Caron and Schouten – The Mighty Kingdoms of Japan and Siam (1671), The Siam Society Bangkok, 1986, pp. 148. Dẫn Nguyễn Văn Kim. Quan hệ giữa Nhật Bản và Đông Nam á. tr. 139
- (22) J. Kathirithamby-Wells & John Villiers. The Southeast Asian Port and Polity. pp. 128 ; Victor Lieberman. Strange Parallels. pp. 269
- (23) G. William Skinner. Chinese Society in Thailand. pp. 7
- (24) G. William Skinner. Chinese Society in Thailand. pp. 9
- (25) Lê Quý Đôn. Vân Đài Loại Ngữ. Tập 1. Nxb Văn Hóa Thông tin, Hà Nội, 1995. tr. 218
- (26) Anthony Reid. The Unthreatening alternative Chinese Shipping in Southeast Asia, 1567 – 1842. In Pho Hien : The Center of International Commerce in the 17th – 18th centuries. The Gioi Publishers. Hanoi. 1994. pp. 56
- (27) Cambridge History of Southeast Asia. Vol 2. pp. 123
- (28) Anthony Reid. The Unthreatening alternative Chinese Shipping in Southeast Asia, 1567 – 1842. pp. 59
- (29) Martin Staurt-Fox. A Short history of China and Southeast Asia. pp.79
- (30) G. William Skinner. Chinese Society in Thailand. pp. 1 - 2
- (31) G. William Skinner. Chinese Society in Thailand. pp. 3
- (32) G. William Skinner. Chinese Society in Thailand. pp. 8
- (33) Lục Đức Dương. Lịch sử lưu dân. Nhà xuất bản Trẻ. 2001. tr. 139
- (34) G. Taboulet. La Geste Fraçaise en Indochine (texte 43). Faifo en 1744 d'après Pirres Poive. Dương Văn Huy. Chính sách của chính quyền Đàng Trong... dã dẫn, Christoforo Borri. Xứ Đàng Trong năm 1621. Nxb Thành Phố Hồ Chí Minh, 1999, tr. 92. Xem thêm Olga Dror and K. W. Taylor. Views of Seventeenth-Century Vietnam : Christoforo Borri on Cochinchina and Samuel Baron on Tonkin. Southeast Asia Program Publications at Cornell University. 2006
- (35) G. William Skinner. Chinese Society in Thailand. pp 10
- (36) Wang Gungwu. "Ming foreign relations: Southeast Asia". Trong Cambridge History of China: Vol 8. pp. 301 – 332

GIỚI THIỆU SÁCH

SÁCH XANH: “PHÁT TRIỂN XÃ HỘI CÔNG DÂN TRUNG QUỐC”

Cao Bình Trung, Viên Thụy Quân

(chủ biên)

*Nxb Đại học Bắc Kinh, 2009, 475 trang
(tiếng Trung Quốc)*

Sách do Trung tâm Nghiên cứu xã hội công dân thuộc trường Đại học Bắc Kinh (Trung Quốc) tổ chức biên soạn. Đây là công trình khoa học nghiên cứu tương đối toàn diện, qua đó phản ánh tình trạng cơ bản phát triển xã hội công dân ở Trung Quốc hiện nay.

Theo giới thiệu của GS. Lý Cảnh Bằng – Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu xã hội công dân Đại học Bắc Kinh: Xã hội công dân không phải là một xã hội lý tưởng, mà là một xã hội hiện thực được ra đời và phát triển trong điều kiện kinh tế thị trường. Nó được xây dựng trên cơ sở lợi ích cá nhân. Về mặt lý luận, nó thể hiện mối quan hệ đặc thù giữa Nhà nước và người dân; nghĩa là Nhà nước thừa nhận mỗi một người dân đều có tư cách công dân bình đẳng, Nhà nước thông qua Hiến pháp và pháp luật bảo đảm quyền lợi chính trị và tự do của công dân. Mặt khác công dân đối với Nhà nước là thực hiện nghĩa vụ theo quy định của Hiến pháp và pháp luật. Nhìn chung xã hội công dân gồm hai bộ phận hợp thành: *Một là*, lĩnh vực tư nhân thuần túy hình thành trong điều kiện kinh tế thị trường; *hai là*, các tổ chức dân gian phát triển mạnh mẽ.

Ở Trung Quốc, xã hội công dân được manh nha từ cuối thời nhà Thanh. Sau Cách mạng Tân Hợi, xã hội công dân đã có bước phát triển cùng với tiến trình hiện đại hoá đất nước. Sau năm 1949 xã hội công dân lâm vào tình trạng đình đốn. Sự phát triển của xã hội công dân gần đây là kết quả của cải cách mở cửa và phát triển kinh tế thị trường. Đầu tiên là sự xuất hiện của lĩnh vực tư nhân thuần túy độc lập với xã hội chính trị, có tác dụng to lớn trong lĩnh vực bồi dưỡng ý thức tự do, ý chí độc lập và tính tự chủ của người dân. Lực lượng này, một mặt sẽ thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển của kinh tế thị trường; nhưng mặt khác nó cũng là một lực lượng có thể loại bỏ sự “nhất nguyên hóa văn hóa”, hình thành nên “đa nguyên hóa văn hóa”. Ngoài ra, các tổ chức dân gian là bộ phận hợp thành quan trọng của xã hội công dân. Cùng với tiến trình cải cách mở cửa và phát triển kinh tế thị trường, các tổ chức dân gian ở Trung Quốc đã phát triển nhanh chóng, qua đó tạo động lực to lớn và bước đầu về mặt tổ chức cho xã hội công dân phát triển. Các tác giả cũng cho rằng, sự phát triển của xã hội công dân vẫn chưa thành thực, ở nhiều phương diện vẫn mang đặc sắc Trung Quốc. Đồng thời con đường phát triển trong tương lai của xã hội công dân Trung Quốc cũng không bằng phẳng, vẫn còn rất nhiều trắc trở. Tuy nhiên, xã hội công dân ở Trung Quốc sẽ không ngừng phát triển, không ngừng lớn mạnh và ngày càng thành thực, đây là điều hoàn toàn khẳng định.

(Xem tiếp trang 73)